

Số: 85/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 220/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1997; Căn cước công dân số 077197005361 do Cục Trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/10/2022.

Địa chỉ: Số A T, ấp L, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Châu T, sinh năm 1989; Căn cước công dân số 082089000624 do Cục Trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/3/2021.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 12, ấp Chợ, xã An Thái Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã Mỹ Lợi, tỉnh Đồng Tháp).

Nơi ở: Số 174W1 Trần Xuân Độ, ấp Long Phụng, xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Châu T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Châu Thanh thuận T1 ly hôn.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Châu T có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 17/02/2019 và Nguyễn Ngọc Minh V, sinh ngày 25/9/2024. Khi ly hôn bà Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Châu T thỏa thuận và theo nguyện vọng của con chưa thành niên (Đủ 07 tuổi): Bà Trần Thị Kim N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Nguyễn Trần Minh K và Nguyễn Ngọc Minh V đến đủ tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Châu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng đối với các cháu Nguyễn Trần Minh K và Nguyễn Ngọc Minh V; mức cấp dưỡng mỗi tháng cho mỗi cháu là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), tổng cộng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/tháng/02 con chung; việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 hằng tháng; kỳ cấp dưỡng đầu tiên kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026 cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc các tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản và nợ chung: Bà Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Châu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim N tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và tự nguyện nộp thay ông Nguyễn Châu T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021652 ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành Phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND khu vực 13-Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM
(Phòng THADS khu vực 13-Tp.HCM);
- UBND xã Long Điền, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Duy